

Bản án số: 37/2018/DS - ST

Ngày: 17 - 9 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Anh Tuấn và ông Đỗ Quang Huy.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2018/TLST - DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị H, sinh năm 1980.

Cư trú tại: Thôn H1, xã T, huyện T1, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phùng Văn H1, sinh năm 1960.

Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1964.

Đều cư trú tại: Tiểu khu P1, thị trấn P2, huyện P, Thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đào Thị Huệ trình bày:

Do có quan hệ quen biết với vợ chồng ông Phùng Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 và biết ông H1, bà H2 có nhu cầu “nhận gửi tiền” tức vay tiền của mọi người để làm ăn kinh tế nên ngày 27/10/2011 chị đến cửa hàng vàng bạc của ông H1 và bà H2 tại tiểu khu P1, thị trấn P2, huyện P, Thành phố Hà Nội “gửi” tức là cho ông H1, bà H2 vay số tiền 45.000.000 đồng. Việc vay nợ có viết giấy biên nhận do ông H1 ký nhận, thỏa thuận kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 1,7%/ tháng. Tuy nhiên, sau đó, ông H1, bà H2 không trả được cả gốc và lãi. Nhiều lần chị đến nhà đòi nợ nhưng không có kết quả. Nay chị yêu cầu vợ chồng ông H1, bà H2 phải trả cho chị 45.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu trả lãi.

Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai, phía bị đơn bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bà H2 xác nhận, bà “nhận gửi” tức là vay của chị H là 45.000.000 đồng (Bốn lăm triệu đồng). Số tiền này bà cho chị Nguyễn Thị C vay lại để lấy tiền lãi chênh lệch. Do chị Nguyễn Thị C không trả bà tiền nên bà không có tiền trả chị H. Nay chị H khởi kiện, bà nhất trí trả cho chị H 45.000.000 đồng tiền nợ gốc. Ngoài ra bà cho rằng số tiền vay nợ chị H là do cá nhân bà vay không liên quan gì đến chồng bà là ông H1 nên trách nhiệm trả nợ của riêng bà.

Phía ông Phùng Văn H2 cho rằng việc nhận vay tiền là của cá nhân bà H1, ông không liên quan gì, nên bà H1 là người có trách nhiệm trả cho nợ chị H.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu khởi kiện.

Đại diện VKSND huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa...

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H, cụ thể buộc ông Phùng Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 phải trả chị Đào Thị H số tiền nợ gốc 45.00.000 đồng. Bà H2, ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện kèm với giấy biên nhận tiền, lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ khác, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 149, 155, 156 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bà Nguyễn Thị H2, ông Phùng Văn H1: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông H2, bà H1 vẫn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy việc xét xử vắng mặt ông H2, bà H1 là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Việc giao nhận cho nhau vay tiền đã được các bên thực hiện xong từ ngày 27/10/2011, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là phù hợp quy định tại Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu của chị Đào Thị H kiện đòi ông H1, bà H2 trả 45.000.000 đồng tiền gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị H là có căn cứ bởi lẽ:

Thứ nhất: Về số tiền phải trả cho chị H các bên đều thống nhất số tiền gốc là 45.000.000 đồng.

Thứ hai: Về người phải trả, trong khi chị H yêu cầu cả ông H1, bà H2 phải cùng trả, thì phía bị đơn chỉ chấp nhận để mình bà H2 phải trả với lý do, bà H2 mới là người đứng ra giao dịch, ông H1 không liên quan gì.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không chấp nhận lý do này của ông H1, bà H2 vì quan hệ giữa ông H1, bà H2 là quan hệ vợ chồng, mà theo điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005 thì “Sở hữu chung vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất” và “Vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển...và có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung vợ chồng” cho nên số tiền dù là ông H1, hay bà H2 nhận, vay hoặc “gửi” của nguyên đơn phải được coi là tài sản chung vợ chồng, và đương nhiên, khi có công nợ phát sinh, thì nghĩa vụ phải trả nợ cũng là nghĩa vụ chung của vợ chồng, hơn nữa như bà H2 thừa nhận, số tiền vay của nguyên đơn bà đã sử dụng cho chị Nguyễn Thị C vay để lấy tiền lãi chênh lệch (được hiểu là mục đích phát triển kinh tế gia đình), mặt khác tại giấy vay nhận nợ giữa các bên ký nhận với nhau thể hiện chính ông H1 là người ký vay nợ với chị H. Vì vậy nghĩa vụ trả nợ trong vụ án này là của cả bà H2 và ông H1.

Thứ ba: Trong quá trình các cơ quan pháp luật điều tra, truy tố, xét xử vụ án Nguyễn Thị C lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà ông H1, bà H2 là nạn nhân, theo đơn của trình báo của bà H2 với tư cách là chủ cửa hàng vàng bạc, ông, bà đã cho chị Nguyễn Thị C vay 4,1 tỉ đồng và 370 cây vàng, tiền, vàng là của “gia đình” ông H1 cũng có đơn trình báo là ông vay của 10 người với số tiền 576.000.000 đồng và 131 chỉ vàng để đưa cho bà H2 đem cho C vay. Như vậy, xét cả trên thực tế cũng như về mặt pháp luật, ông H1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà H2 thanh toán trả nợ cho nguyên đơn.

Do phía ông H1, bà H2 đều xác nhận, đây là giao dịch mang tính cá nhân thực hiện; mặt khác qua xem xét đăng ký kinh doanh của công ty Cổ phần vàng bạc đá quý H1 H2 do ông H1 là người đại diện theo pháp luật Hội đồng xét xử nhận thấy, công ty Cổ phần vàng bạc đá quý H1 H2 không có chức năng nhận gửi hoặc cho vay tiền, phía nguyên đơn cũng xác nhận đem tiền gửi là gửi cá nhân ông H1, bà H2 chứ không gửi cho công ty; mặt khác, về hình thức của hóa đơn đảm bảo vàng là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh mua bán vàng, song nội dung của hóa đơn là xác nhận việc gửi, cho vay tiền, vàng, không có liên quan gì đến mục đích, nội dung, cột, mục ghi trên hóa đơn. Nên về mặt pháp luật, Tòa án chỉ xem đây là giao dịch giữa các cá nhân với nhau.

Xét yêu cầu của nguyên đơn chỉ buộc phía bị đơn trả lại 45.000.000 đồng tiền gốc và không tính lãi là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và đúng pháp luật. Tòa chấp nhận.

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; phía bị đơn ông H1, bà H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478, 298, 302 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 27, 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 184, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H đối với ông Phùng Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2, cụ thể:

Buộc ông Phùng Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho chị Đào Thị H 45.000.000 đồng (Bốn lăm triệu đồng) tiền nợ gốc.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, ngoài khoản tiền phải trả nêu trên, người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc ông Phùng Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 phải chịu 2.250.000 đồng (*Hai triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Đào Thị H 1.125.000 đồng (*Một triệu một trăm hai lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí nộp tại phiếu thu số AE/2010/0005094 ngày 03/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Anh Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA